

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 27-01- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST - HS, ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Lê Hồng P, sinh năm 1979; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp K B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Lê Văn G, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956. Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1992; vợ tên Lê Thị Hồng T, sinh năm 1980; con có 01 người sinh năm 1998.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 20/6/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ hai: Bùi Văn E, sinh năm 1987; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp T 2, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hoá: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Bùi Văn Q, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1947 (đã chết). Anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988; Vợ tên Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Con có 02 người lớn sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/02/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 20/6/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ ba: Trần Văn Thanh L, sinh năm 1967; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Văn B, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1943 (đã chết). Anh chị em ruột: có 08 người, lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1985; Vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1968.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/02/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 06/3/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Kim P2, sinh 1972. Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ mối quan hệ xã hội Lê Hồng P, sinh năm 1979, nơi cư trú ấp K B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thỏa thuận với Bùi Văn E điều khiển xe ô tô biển số 67A - 017.53 chở Trần Văn Thanh L mua bán hàng cấm (thuốc lá điều nhập lậu) để bán lại cho các tiệm tạp hóa lấy tiền lời. P là người trực tiếp đứng ra mua thuốc lá điều nhập lậu và liên hệ với các tiệm tạp hóa để bán, còn E là người điều khiển xe chở L theo phụ vận chuyển thuốc lá (xe ô tô P thuê của ông Đặng Văn K sinh năm 1982 là chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1980, cùng cư trú ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang). Cả ba thống nhất nên P kêu E điều khiển xe ô tô biển số: 67A - 017.53 chở L đi lấy thuốc lá từ tỉnh AG giao cho Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1971, nơi cư trú ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (tiệm tạp hóa P1 cùng địa chỉ, địa điểm này E đã đi ngang và biết trước), P trả tiền công cho E 600.000 đồng và L 400.000 đồng, tiền ăn uống trên đường đi 100.000 đồng cả hai đồng ý. Thông qua mối quan hệ xã hội P có điện số điện thoại của một nam thanh niên người Campuchia có bán thuốc lá điều nên vào ngày 25/02/2020 P điện thoại đặt mua 100 cây thuốc hiệu JET, 200 cây thuốc hiệu HERO và 50 cây thuốc hiệu COST (giá Hero 135.000đ/01 cây; Cost 130.000đ/01 cây; giá thuốc Jet 175.000đ/01 cây). Cả hai thống nhất và hẹn giao

thuốc tại khu đất trồng thuộc ấp V, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang gần biên giới Campuchia.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày E điều khiển xe ô tô biển số: 67A - 017.53 chở L đi theo sự chỉ dẫn của P từ ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang đến khu đất trồng tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang để nhận và chở thuốc lá điếu đi giao. Khi đến khu đất trồng, E và L nhìn thấy có 07 bao nylon đựng thuốc lá điếu, cả hai khiêng các bao nylon đựng thuốc lá điếu lên xe, rồi lấy tấm vải màu đen có sẵn trên xe đậy trùm lên. Sau đó, E điều khiển xe chở L và thuốc lá điếu từ tỉnh An Giang đến xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 03 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2020, E điều khiển xe đến khu vực ngã ba cây xăng xã H thì điều khiển xe lùi vào cửa tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Thanh P1 để giao thuốc lá thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành kiểm tra và bắt quả tang E và L cùng tang vật.

Ngày 14 tháng 6 năm 2020 Lê Hồng P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khai nhận toàn bộ hành vi sự việc: Lê Hồng P được ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm: 1971, nơi cư trú ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (P1 là anh rể họ hàng của P) liên hệ đặt mua 50 cây thuốc lá điếu hiệu Hero, 50 cây thuốc lá điếu hiệu Cost (với giá Hero 145.000đ/01 cây; Cost 140.000đ/01 cây). Ngoài ra còn một người phụ nữ khác (không rõ tên địa chỉ) liên hệ với P qua số điện thoại đặt mua 100 cây thuốc lá điếu hiệu Jet (với giá thuốc Jet 185.000đ/01 cây) và 150 cây thuốc hiệu Hero và yêu cầu giao thuốc tại tiệm tạp hóa của Nguyễn Thanh P1. P đồng ý bán thuốc lá điếu cho những người này.

Tại cáo trạng số: 55/CT-VKSCL, ngày 22/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Lê Hồng P, Bùi Văn E và Trần Văn Thanh L về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e, khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Hồng P, Trần Văn Thanh L thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là: Vào rạng sáng ngày 26/02/2020 tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh các bị cáo đã trực tiếp buôn bán hàng cấm (thuốc lá điếu) và đã bị Công an huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bắt quả tang hành vi phạm tội cùng tang vật là 3.500 bao thuốc lá điếu. Riêng bị cáo E thì cho rằng bị cáo chỉ phạm tội vận chuyển hàng cấm, chứ không phải tội buôn bán hàng cấm vì bị cáo không biết người mua thuốc, người bán thuốc và cũng không bàn bạc với bị cáo P để buôn bán hàng cấm, bị cáo chỉ là tài xế lái xe vận chuyển.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm e, khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/6/2020.

- Căn cứ điểm e, khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo

Bùi Văn E từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/02/2020.

- Căn cứ điểm e, khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Thanh L từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/02/2020.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo theo quy định.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo P và bị cáo L không có ý kiến tranh luận; riêng bị cáo E tranh luận cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội buôn bán hàng cấm bị cáo không đồng ý.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có mặt, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Hồng P và Trần Văn Thanh L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án. Đối với bị cáo E không thừa nhận tội buôn bán hàng cấm mà bị cáo chỉ thừa nhận phạm tội vận chuyển hàng cấm. Tuy nhiên căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 329 đến 334), biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 237 đến 240), sơ đồ hiện trường (BL 241 đến 244), các biên bản hỏi cung tại Cơ quan điều tra (BL 435-438, 441- 444) bị cáo E đều thừa nhận có biết và đồng ý buôn bán thuốc lá điều với P, chính bị cáo E và bị cáo L là người trực tiếp đi lấy thuốc lá điều theo sự chỉ dẫn của bị cáo P để giao tại tiệm tạp hóa ở ấp L, xã H vào rạng sáng ngày 26/02/2020 nên việc bị cáo chỉ là người vận chuyển thuê chứ không cùng bị cáo P buôn bán hàng cấm là không có căn cứ.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Lê Hồng P, Bùi Văn E và Trần Văn Thanh L về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e, khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa

đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; bởi vì thuốc lá điều sản xuất tại nước ngoài là hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, các bị cáo biết rất rõ điều này, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài, mà các bị cáo đã bất chấp và xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm vào đêm khuya với số lượng đặc biệt lớn là 3.500 bao thuốc lá điều (trong đó 2000 bao thuốc lá hiệu HERO; 1000 bao thuốc lá hiệu JET và 500 bao thuốc lá hiệu SCOTT), vận chuyển bằng phương tiện xe ô tô trên tuyến đường dài, quá trình vận chuyển có người điều khiển xe ô tô biển số 67A - 017.53 cảnh giới suốt tuyến đường, với thủ đoạn hết sức tinh vi nhằm che mắt, trốn tránh cơ quan chức năng tuần tra kiểm soát để giao 3.500 bao thuốc lá điều nhập lậu đến tay người nhận một cách an toàn.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng các bị cáo không làm được việc này, các bị cáo thấy công việc buôn bán hàng cấm cho người khác không phải tốn nhiều công sức mà vẫn có thu nhập cao từ đó đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp là rất nghiêm trọng, buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều ngoại nhập với số lượng là 3.500 bao, đã gây thiệt hại về kinh tế cho nhà nước, làm bất ổn định thị trường hàng hóa khi đưa hàng gian, hàng lậu vào buôn bán, gây thất thu thuế rất lớn cho nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các bị cáo thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, động cơ mục đích vì vụ lợi. Do đó cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, các bị cáo cùng thực hiện hành vi buôn bán thuốc lá nhập lậu, nhưng mỗi bị cáo đều có vai trò thực hiện hành vi phạm tội khác nhau. Do đó cần đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có một phán quyết đúng qui định pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Hồng P: Sau khi bàn bạc thống nhất thì bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người trực tiếp đứng ra mua thuốc lá điều nhập lậu từ một người thanh niên người Campuchia, trực tiếp liên hệ với các tiệm tạp hóa để tìm phương án bán hàng cấm ra ngoài, trực tiếp thuê phương tiện vận chuyển hàng là xe ô tô biển số 67A - 017.53 của ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ C ở An Giang để cho bị cáo E điều khiển chở bị cáo L theo cùng hàng cấm đi tiêu thụ tại tiệm tạp hóa do bị cáo P đã tìm trước đó. Mỗi lần mua bán thành công thì bị cáo P chia tiền lời cho bị cáo E và bị cáo L. Từ đó cho thấy bị cáo bất chấp mọi thủ đoạn nhằm thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, có người thân có công cách mạng, bị cáo đến Cơ quan Công an tự thú hành vi phạm tội. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Bùi Văn E: Sau khi thống nhất giữa ba bị cáo vì bị cáo là tài xế nên bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe ô tô biển số 67A-017.53, trực tiếp đem hàng cấm lên xe và chở theo bị cáo L đi lấy hàng cấm là thuốc lá nhập lậu, chở hàng từ An Giang về ấp L, xã H, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh để tiêu thụ. Cụ thể là giao số lượng 3.500 bao thuốc lá nhập lậu cho ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1971, cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo thừa biết buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thống nhất đồng tình cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo có ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình nhưng chưa thành khẩn khai báo chứng tỏ việc xem thường pháp luật của bị cáo. Xét thấy đây là các tình tiết sẽ được xem xét khi áp dụng khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Văn Thanh L: Trong vụ án này sau khi ba bị cáo cùng bàn bạc thống nhất thì bị cáo là người trực tiếp cùng bị cáo E đi lấy hàng, đem hàng lên xe và là người cảnh giới suốt tuyến đường từ An Giang đến ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo biết hàng hóa trong xe ô tô 67A - 017.53 chở là những bao thuốc ngoại nhập lậu thuộc hàng cấm nhưng do háo lợi, nên bị cáo bất chấp mọi thủ đoạn nhằm thực hiện hành vi cảnh giới để được chia tiền lời, bị cáo giúp sức với vai trò hết sức tích cực. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tặng bằng khen trong việc tìm kiếm, cất, bóc, quy tập hài cốt liệt sĩ; có người thân là Liệt sĩ và có công hiến đất làm đường. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu sài mà không bỏ ra sức lao động nên các bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân. Để ổn định tình hình trật tự ở địa phương, vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Đối với bị cáo Lê Hồng P sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người thân có công cách mạng, bị cáo đến Công an huyện C đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Văn E sau khi phạm tội bị cáo có ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình mặc dù tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khai báo. Tuy nhiên do bị cáo có ăn năn hối cải nên bị cáo được xét hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn Thanh L sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo được Ủy ban tỉnh An Giang tặng bằng khen, có công hiến đất làm đường, gia đình có người thân là liệt sĩ. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thanh P1 và người phụ nữ (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đặt mua thuốc lá điều nhập lậu từ bị cáo P, quá trình điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội nên không xử lý.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng gồm:

- 50 cây (500 bao) thuốc lá hiệu SCOTT; 200 cây (2000 bao) thuốc lá hiệu HERO; 100 cây (1000 bao) thuốc lá hiệu JET; 01 (một) bao nylon màu xanh sọc vàng; 06 bao nylon màu xanh sọc đỏ; 14 bịch nylon màu đen; 02 mảnh vải màu đen, kích thước mỗi mảnh vải 1,40 mét x 4,40 mét. Đây là vật chứng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam: 4.180.000đồng, trong này có 500.000đồng bị cáo P đưa cho bị cáo L để đưa bị cáo E đi xăng xe thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; còn lại 3.680.000đồng là tiền cá nhân bị cáo E xét thấy nên trả lại cho bị cáo. Đối với 01 máy điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, số IMEI: 358354060544573, số thuê bao trên máy: 0925210511 của bị cáo E được trả lại cho bị cáo; Đối với 01 máy điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 01: 351980104786429, số IMEI 02: 351980104786437. Máy điện thoại sử dụng 02 sim. Số sim 01: 0944466050, Số sim 02: 0902996294 của bị cáo E đã dùng để liên lạc với bị cáo P để thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 máy điện thoại di động hiệu Mobiiitar, vỏ màu đen trắng, số IMEI: 352310022225582, máy sử dụng 01 sim. Số thuê bao: 0369577828 của bị cáo L đã dùng để liên lạc với bị cáo P để thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 máy điện thoại di động màu vàng Gold, nhãn hiệu OPPO, số điện thoại gắn trong máy 84388577007, số IMEI 1: 869602034740590, số IMEI 2: 869602034740582 của bị cáo P dùng để liên lạc với các bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J8, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 359051090899246, số IMEI 2: 359052090899244. Máy điện thoại sử dụng 02 sim. Sim 01: 0382466745, sim 02: 0366982917 của ông Nguyễn Thanh P1 dùng để liên lạc với bị cáo P để bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với xe ô tô 67A - 017.53 bị cáo P thuê của ông K và bà C để làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo P sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội ông K và bà C hoàn toàn không biết, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả tài sản là xe ô tô 67A - 017.53 cho ông K và bà C là phù hợp quy định pháp luật được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Văn E và Trần Văn Thanh L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng P, Bùi Văn E và Trần Văn Thanh L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng các Điều 45, 260, 268, 269, 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/6/2020.

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn E 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/02/2020.

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn Thanh L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/02/2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 200 cây (2000 bao) thuốc lá hiệu HERO; 100 cây (1000 bao) thuốc lá hiệu JET; 50 cây (500 bao) thuốc lá hiệu SCOTT; 01 (một) bao nylon màu xanh sọc vàng; 06 bao nylon màu xanh sọc đỏ; 14 bịch nylon màu đen; 02 mảnh vải màu đen, kích thước mỗi mảnh vải 1,40 mét x 4,40 mét.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm:

+ Tiền Việt Nam: 500.000đồng.

+ 01 máy điện thoại di động hiệu ITEL, vỏ màu đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 01: 351980104786429, số IMEI 02: 351980104786437. Máy điện thoại sử dụng 02 sim. Số sim 01: 0944466050, Số sim 02: 0902996294 của bị cáo Bùi Văn E.

+ 01 máy điện thoại di động hiệu Mobistar, vỏ màu đen trắng, số IMEI: 352310022225582, máy sử dụng 01 sim. Số thuê bao: 0369577828 của bị cáo Trần Văn Thanh L.

+ 01 máy điện thoại di động màu vàng Gold, nhãn hiệu OPPO, số điện thoại gắn trong máy 84388577007, số IMEI 1: 869602034740590, số IMEI 2: 869602034740582 của bị cáo Lê Hồng P.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J8, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 359051090899246, số IMEI 2: 359052090899244. Máy điện thoại sử dụng 02 sim. Sim 01: 0382466745, sim 02: 0366982917 của ông Nguyễn Thanh P1

- Giao trả cho bị cáo Bùi Văn E: Tiền Việt Nam: 3.680.000đồng và 01 máy điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, số IMEI: 358354060544573, số thuê bao trên máy: 0925210511.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo gồm Lê Hồng P, Bùi Văn E và Trần Văn Thanh L mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh